

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2018

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Vi Hải là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Quang L, sinh năm 1968
2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1970

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 279 đường H, thuộc tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng cư trú tại: Số 182/10 đường H, thuộc tổ 9, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh L và chị L đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Quang L trình bày:*

Anh và chị Võ Thị L tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tổ chức cưới vào năm 1989. Sau khi tổ chức lễ cưới anh và chị L chung sống với nhau đến tháng 4/2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì anh lo làm ăn và không hiểu biết pháp luật nên không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do

chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị L.

Về con chung: Anh và chị Võ Thị L có 02 con chung tên Trương Quang H, sinh ngày 01/5/1989 và Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/3/1996. Hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Võ Thị L trình bày: Chị hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Trương Quang L xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như anh L trình bày là đúng. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quang L và chị Võ Thị L tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Từ tháng 4 năm 2008 cho đến nay anh L và chị L sống chung nhà nhưng không có quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay anh L xét thấy không còn tình cảm với chị L nên yêu cầu được ly hôn với chị L, chị L đồng ý. Tuy nhiên, anh L và chị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Trương Quang L và chị Võ Thị L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Quang H, sinh ngày 01/5/1989 và Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/3/1996. Hai con chung của anh L và chị L đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trương Quang L và chị Võ Thị L đều xác định là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Trương Quang L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 144, 147, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận anh Trương Quang L và chị Võ Thị L là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Hai con chung tên Trương Quang H, sinh ngày 01/5/1989 và Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 20/3/1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Trương Quang L và chị Võ Thị L đều xác định là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Trương Quang L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003159 ngày 02/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Hoa**